

Số: 403/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH GIAI ĐOẠN 2014 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 09 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh), bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

I. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG

Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh bao gồm 04 chủ đề chính, 12 nhóm hoạt động và 66 nhiệm vụ hành động cụ thể (Phụ lục I kèm theo):

1. Chủ đề 01: Xây dựng thể chế và Kế hoạch tăng trưởng xanh tại địa phương bao gồm 08 hoạt động theo 02 nhóm sau:

a) Xây dựng thể chế bao gồm 05 hoạt động: Từ hoạt động số 01 đến số 05.

b) Kế hoạch tăng trưởng xanh tại địa phương bao gồm 03 hoạt động: Từ hoạt động số 06 đến số 08.

2. Chủ đề 02: Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo: Bao gồm 20 hoạt động theo 04 nhóm sau:

a) Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong những ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng bao gồm 08 hoạt động: Từ hoạt động số 09 đến số 16.

b) Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong giao thông vận tải bao gồm 03 hoạt động: Từ hoạt động số 17 đến số 19.

c) Đổi mới kỹ thuật canh tác và hoàn thiện quản lý để giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong nông lâm nghiệp, thủy sản bao gồm 06 hoạt động: Từ hoạt động số 20 đến số 25.

d) Phát triển các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo bao gồm 03 hoạt động: Từ hoạt động số 26 đến số 28.

3. Chủ đề 03: Thực hiện xanh hóa sản xuất, bao gồm 25 hoạt động theo 04 nhóm sau:

a) Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và xây dựng đề án tái cơ cấu kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh bao gồm 10 hoạt động: Từ hoạt động số 29 đến số 38.

b) Sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn lực tự nhiên và phát triển khu vực kinh tế xanh bao gồm 09 hoạt động: Từ hoạt động số 39 đến số 47.

c) Phát triển kết cấu hạ tầng bền vững bao gồm 03 hoạt động: Từ hoạt động số 48 đến số 50.

d) Thúc đẩy phong trào "doanh nghiệp phát triển bền vững", nâng cao năng lực và thị trường dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và quản lý phục vụ tăng trưởng xanh bao gồm 03 hoạt động: Từ hoạt động số 51 đến số 53.

4. Chủ đề 04: Thực hiện Xanh hóa lối sống và tiêu dùng bền vững: Bao gồm 13 hoạt động theo 02 nhóm sau:

a) Phát triển đô thị xanh và bền vững bao gồm 07 hoạt động: Từ hoạt động số 54 đến số 60.

b) Thúc đẩy thực hiện lối sống xanh bao gồm 06 hoạt động: Từ hoạt động số 61 đến số 66.

II. HOẠT ĐỘNG ƯU TIÊN

Giai đoạn 2014 - 2020 tập trung ưu tiên thực hiện 23 hoạt động ưu tiên, cụ thể gồm các hoạt động số: 01, 02, 03, 04, 06, 09, 16, 26, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 39, 40, 41, 42, 47 (kèm theo Phụ lục II: Danh mục các hoạt động ưu tiên thuộc kế hoạch hành động tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020).

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Những hoạt động thuộc Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cần được triển khai đồng bộ và phù hợp các nội dung về: Nâng cao nhận thức; hoàn thiện thể chế; thay đổi cơ cấu kinh tế ngành, địa phương và doanh nghiệp và đổi mới công nghệ.

2. Các Bộ, ngành, địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan có liên quan được giao chủ trì thực hiện các hoạt động thuộc Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh chịu trách nhiệm đưa ra các giải pháp triển khai thực hiện theo kế hoạch cho giai đoạn 2014 - 2020.

3. Về nguồn vốn thực hiện các hoạt động:

- Về nguồn vốn, bao gồm: Từ ngân sách nhà nước trong Chương trình hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu; từ nguồn lực của các doanh nghiệp; từ cộng đồng và từ nguồn viện trợ của quốc tế.

- Các Bộ, ngành, địa phương theo chức năng nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm huy động, quản lý nguồn lực từ ngân sách nhà nước, (bao gồm cả Trung ương và địa phương), nguồn lực của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, cộng đồng và hỗ trợ của các tổ chức quốc tế.

- Nhà nước ưu tiên và dành kinh phí thỏa đáng từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương để thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, đặc biệt cho nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và phát triển năng lượng tái tạo.

- Nhà nước tạo cơ sở pháp lý khuyến khích các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp đầu tư nguồn lực để thực hiện các hoạt động của Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban điều phối tăng trưởng xanh trực thuộc Ủy ban quốc gia về Biến đổi khí hậu là cơ quan đầu mối quốc gia tổng hợp các Chương trình hành động của các Bộ, ngành, địa phương; phối hợp với các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường để lập kế hoạch phân bổ nguồn lực; tổ chức theo dõi, giám sát, báo cáo quá trình thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh và Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối về tăng trưởng xanh, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh; hướng dẫn, giám sát, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan xác định và phân bổ nguồn tài chính trong nước và điều phối các nguồn tài trợ của nước ngoài, cơ chế chính sách thúc đẩy thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh.

3. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, địa phương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp thực hiện các hoạt động được quy định trong Phụ lục I.

Cơ quan chủ trì các hoạt động được phân công cụ thể như sau:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì và phối hợp thực hiện các hoạt động số 1, 5, 7 và 29.

Bộ Công Thương chủ trì và phối hợp thực hiện các hoạt động số 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 26, 30, 41, 43, 46, 49 và 62.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì và phối hợp thực hiện các hoạt động 20, 21, 22, 24, 25, 31, 40 và 50.

Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì và phối hợp thực hiện các hoạt động số 4, 28, 34, 39, 42, 45 và 47.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì và phối hợp thực hiện các hoạt động số 12, 27, 35 và 36.

Bộ Tài chính chủ trì và phối hợp thực hiện các hoạt động số 3 và 64.

Bộ Quốc phòng chủ trì và phối hợp thực hiện hoạt động số 8.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì và phối hợp thực hiện hoạt động số 44 và 61.

Ban điều phối tăng trưởng xanh trực thuộc Ủy ban Quốc gia về Biến đổi khí hậu chủ trì và phối hợp thực hiện hoạt động số 2.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chủ trì và phối hợp thực hiện các hoạt động số 6, 19, 23, 55, 60, 63 và 65.

Ủy ban nhân dân các thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì và phối hợp thực hiện hoạt động số 59.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chủ trì và phối hợp thực hiện hoạt động số 51, 52 và 53.

Bộ Giao thông vận tải chủ trì và phối hợp thực hiện hoạt động số 17, 18, 32 và 48.

Bộ Xây dựng chủ trì và phối hợp thực hiện hoạt động số 33, 54, 56, 57 và 58.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì và phối hợp thực hiện hoạt động số 38.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì và phối hợp thực hiện hoạt động số 37.

Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì và phối hợp thực hiện hoạt động số 66.

4. Căn cứ vào Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh được phê duyệt, các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội doanh nghiệp và các cơ quan liên quan theo các nhiệm vụ được giao, xây dựng đề án, dự án, dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở xác định và bố trí kinh phí theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Trong đó, phân định rõ các nhiệm vụ, đề án, dự án thuộc chức năng, nhiệm vụ thường xuyên, các Bộ, ngành có trách nhiệm bố trí trong dự toán ngân sách được giao hàng năm để thực hiện.

5. Các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan theo nhiệm vụ được giao định kỳ báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh gửi Ban điều phối tăng trưởng xanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Quốc gia về Biến đổi khí hậu trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hoàng Trung Hải

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Văn phòng UBQG về tăng trưởng xanh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, QHQT, KGVX, V.III, NC,TKBT;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).

PHỤ LỤC I

NỘI DUNG CÁC HOẠT ĐỘNG THUỘC KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TĂNG TRƯỞNG XANH 2014 - 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

Hoạt động số	Tên hoạt động/lĩnh vực1/thời gian thực hiện/mức độ ưu tiên	Nội dung hoạt động	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính2
1	Tổ chức Ban điều phối triển khai Chiến lược tăng trưởng xanh/ Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2015/ Cao.	- Thành lập Ban điều phối triển khai Chiến lược tăng trưởng xanh trực thuộc Ủy ban Quốc gia về Biến đổi khí hậu. - Xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động và Kế hoạch hoạt động 5 năm và hàng năm. - Tổ chức điều phối hoạt động, lập báo cáo định kỳ hàng năm và 5 năm.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư/ Các bộ, UBND các tỉnh, thành phố.	Ngân sách nhà nước: R Trong kinh phí hoạt động của Ủy ban Quốc gia về Biến đổi khí hậu R. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R
2	Hoàn thiện khung thể chế nhằm thúc đẩy quá trình tái cơ cấu kinh tế phù hợp với Chiến lược tăng trưởng xanh/ Hoàn thiện thể chế	- Rà soát các quy định pháp lý, các chiến lược quốc gia nhằm phát hiện những điểm chưa phù hợp với định hướng tăng trưởng xanh và đề xuất lộ trình hoàn thiện khung thể chế.	Ban điều phối triển khai Chiến lược tăng trưởng xanh trực thuộc Ủy ban Quốc gia về Biến đổi khí hậu/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp,	Ngân sách nhà nước: R Trong kinh phí hoạt động của Ủy ban Quốc gia về Biến đổi khí hậu R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R

	2013 - 2014/ Cao.	- Nghiên cứu hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý nhà nước nhằm tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện định hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. - Xây dựng và ban hành Đề án xây dựng cơ chế, chính sách huy động và quản lý nguồn lực (tài chính, nhân lực) cho tăng trưởng xanh giai đoạn đến 2020. - Xây dựng khung tiêu chí xác định chương trình, dự án tăng trưởng xanh. - Xây dựng khung theo dõi, đánh giá, báo cáo thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh.	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.	
3	Hình thành Khung chính sách tài chính tăng trưởng xanh/ Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2014/ Cao.	- Xây dựng khung chính sách phân bổ và quản lý ngân sách quốc gia phục vụ thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh. - Xây dựng khung chính sách tài chính (bao gồm: thuế, phí, trợ giá, các quỹ, chế tài, các tiêu chí xanh/Phát triển bền vững (PTBV) với doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán) liên quan tới thúc đẩy thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh.	Bộ Tài chính/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Ngân sách nhà nước: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R
4	Nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của toàn dân vào việc thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh/ Nâng cao nhận thức/ 2013 - 2015/ Cao.	- Tổ chức truyền thông, nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh đến các cơ quan, công sở, các tổ chức xã hội đại diện cho các nhóm cộng đồng trong xã hội. - Lồng ghép kiến thức tăng trưởng xanh vào các chương trình bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ các cấp. - Tổ chức các phong trào quần chúng thực hiện nội dung xanh hóa sản xuất và xanh hóa lối sống. - Hướng dẫn và hỗ trợ phát triển mạng lưới các tổ chức tư vấn kỹ thuật, các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thúc đẩy tăng trưởng xanh.	Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và truyền thông, Các cơ quan truyền thông trung ương và địa phương (báo, đài phát thanh, truyền hình), Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động	Ngân sách nhà nước: R Chương trình hỗ trợ ứng phó với BĐKH: R. Nguồn lực cộng đồng: R. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.

			Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Các hiệp hội ngành nghề có liên quan tới tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.	
5	Tham gia các hoạt động quốc tế xúc tiến và chia sẻ kinh nghiệm thực hiện tăng trưởng xanh/ Hoàn thiện thể chế, Nâng cao nhận thức/ 2013 - 2020.	- Thảo luận và ký kết các thỏa thuận quốc tế về hợp tác triển khai chiến lược tăng trưởng xanh. - Tham dự các hội nghị, hội thảo, sự kiện quốc tế quan trọng liên quan tới xúc tiến thực hiện tăng trưởng xanh. - Tổ chức các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm thực hiện tăng trưởng xanh với các nước khác. - Thiết lập các cơ chế hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ sạch và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư/ Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các tỉnh thành phố, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.	Ngân sách nhà nước: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
6	Triển khai xây dựng kế hoạch/chương trình hành động tăng trưởng xanh tại một số tỉnh, thành phố. Tổng kết và nhân rộng/ Hoàn thiện thể chế, Nâng cao nhận thức/ Giữa 2014 - 2017/ Cao.	- Xây dựng khung hướng dẫn lồng ghép tăng trưởng xanh vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ngành và địa phương. - Hướng dẫn xây dựng thí điểm kế hoạch hành động thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh ở một số tỉnh, thành phố tiêu biểu cho những vùng lớn. - Tổng kết rút kinh nghiệm. Phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương.	UBND các tỉnh, thành phố/	Ngân sách nhà nước: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
7	Tổ chức thực hiện thí điểm một số mô hình thực hiện tăng trưởng xanh/ Hoàn thiện thể chế, Nâng cao nhận thức/ 2015-2020.	- Xây dựng đề án và thực hiện thí điểm một số mô hình tăng trưởng xanh quy mô nhỏ ở một số tỉnh, thành phố tiêu biểu cho những vùng lớn. - Tổng kết rút kinh nghiệm. Phổ biến, chia sẻ kinh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư/ UBND các tỉnh, thành phố	Ngân sách nhà nước: P Nguồn lực cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.

		nghiệm giữa các địa phương.		
8	Triển khai thực hiện một số mô hình tăng trưởng xanh ở các vùng biên giới, ven biển và hải đảo/ Thay đổi cơ cấu/ 2015 - 2020.	- Tổng kết kinh nghiệm, tiếp tục đầu tư và thực hiện các dự án cung cấp năng lượng mặt trời, năng lượng gió, lọc nước biển, cấp nước sạch và xử lý nước thải cho dân cư ở các vùng ven biển, hải đảo, vùng biên giới. - Triển khai các dự án trồng và bảo vệ rừng ở vành đai biên giới, rừng ngập mặn ven biển và hải đảo.	Bộ Quốc phòng/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Ngân sách nhà nước R. Nguồn lực của cộng đồng: R. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
9	Rà soát, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch năng lượng quốc gia định hướng tăng trưởng xanh/ Hoàn thiện thể chế/ Cuối 2013 - 2015/ Cao.	- Đánh giá kết quả 05 năm thực hiện "Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050", rà soát và điều chỉnh cơ cấu năng lượng để đảm bảo an ninh năng lượng trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế thế giới và biến đổi khí hậu. - Xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược năng lượng quốc gia giai đoạn 2014-2020 và các chính sách theo hướng phát triển đồng bộ các nguồn năng lượng; khai thác và sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng trong nước; giảm bớt phụ thuộc vào các sản phẩm dầu mỏ nhập khẩu; giảm dần lượng than xuất khẩu và nhập khẩu số lượng than hợp lý; kết nối với hệ thống năng lượng của các nước láng giềng.	Bộ Công Thương/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Hiệp hội Năng lượng Việt Nam, Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam.	Ngân sách nhà nước: R. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
10	Hoàn thiện khung pháp lý về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả/ Hoàn thiện thể chế/ 2014 - 2020.	- Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất công nghiệp, trong quản lý các công trình xây dựng, trong sinh hoạt đời sống và đối với các trang thiết bị sử dụng năng lượng. - Hoàn thiện khung pháp lý quản lý nhu cầu điện. - Xây dựng và áp dụng các chính sách, công cụ quản lý nhà nước và công cụ kinh tế thúc đẩy việc giảm tiêu hao năng lượng hóa	Bộ Công Thương/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Năng lượng Việt Nam.	Ngân sách nhà nước: R. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.

		thạch, khuyến khích chuyển sang sử dụng các dạng năng lượng sạch và tái tạo. Rút ngắn lộ trình xóa bỏ bao cấp đối với sản xuất và tiêu dùng năng lượng hóa thạch		
11	Nâng cao nhận thức của toàn dân về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả/ Nâng cao nhận thức/ 2013 - 2020.	- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến đại bộ phận người dân, các doanh nghiệp, cơ quan, công sở; xây dựng ý thức thực hiện thường xuyên sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường. - Lồng ghép kiến thức năng lượng vào các chương trình giáo dục và đào tạo.	Bộ Công Thương/ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Năng lượng Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và truyền thông, Đài tiếng nói Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
12	Phát triển công nghệ và kỹ thuật tiết kiệm năng lượng/ Hoàn thiện thể chế, Thay đổi cơ cấu. Đổi mới công nghệ/ 2013 -2020.	- Xây dựng và thực hiện các chính sách hỗ trợ về đầu tư và kỹ thuật đối với các nhà sản xuất trong nước để phát triển và sử dụng rộng rãi các trang thiết bị năng lượng có hiệu suất cao, thay thế dần các trang thiết bị có hiệu suất thấp, loại bỏ các trang thiết bị có công nghệ lạc hậu. - Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng thiết bị năng lượng. - Xây dựng và thực hiện các chính sách thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ tiết kiệm năng lượng.	Bộ Khoa học và Công nghệ/ Bộ Công Thương, Bộ Giao thông, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Phòng Công nghiệp và thương mại Việt Nam, Hiệp hội Năng lượng Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố.	Ngân sách nhà nước: R. Ngân sách địa phương: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
13	Ban hành tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng tối thiểu và dán	- Tiếp tục xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng.	Bộ Công Thương/ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp: R.

	nhân năng lượng cho sản phẩm/ Hoàn thiện thể chế, Đổi mới công nghệ/ 2013 -2020.	- Đẩy nhanh lộ trình dần nhân năng lượng bắt buộc cho các trang thiết bị sản xuất và hàng gia dụng. - Áp dụng sớm và tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng tối thiểu đối với trang thiết bị và hàng hóa gia dụng nhập khẩu.	Giao thông, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Hải quan, Hiệp hội Năng lượng Việt Nam, Hiệp hội các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Phòng Công nghiệp và thương mại Việt Nam, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố.	Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
14	Cải thiện hiệu suất sử dụng năng lượng trong các doanh nghiệp thuộc các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng/ Đổi mới công nghệ. Hoàn thiện thể chế/ 2015 - 2020.	- Áp dụng các tiêu chuẩn và định mức kỹ thuật tiên tiến nhằm cải thiện hiệu suất năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc các ngành sử dụng nhiều năng lượng (điện, xi măng, thép, sợi dệt). - Thay thế than, xăng dầu bằng các loại nhiên liệu có hàm lượng các bon ít hơn như khí, nhiên liệu sinh khối, khí sinh học trong các lò hơi, lò đốt công nghiệp.	Bộ Công Thương/ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Phòng Công nghiệp và thương mại Việt Nam, Hiệp hội Năng lượng Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố, các Tập đoàn, tổng công ty công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải.	Nguồn lực của doanh nghiệp: R. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
15	Nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ/ Đổi mới công nghệ/ 2015 -2020.	- Hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ vừa và nhỏ thực hiện nâng cấp, cải tiến, hợp lý hóa dây chuyền công nghệ và cải tiến quản lý nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.	Bộ Công Thương/ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hiệp hội các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Hiệp hội Năng lượng Việt Nam, Phòng Công nghiệp và thương mại Việt	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp: R. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.

			Nam, UBND các tỉnh, thành phố.	
16	Nâng cao năng lực quản lý năng lượng trong công nghiệp và xây dựng/ Hoàn thiện thể chế/ 2013 -2015/ Cao.	- Tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ quản lý năng lượng và kiểm toán năng lượng cho cán bộ thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp, quản lý sử dụng các công trình xây dựng.	Bộ Công Thương/ Bộ Xây dựng, UBND các tỉnh, thành phố, Hiệp hội Năng lượng Việt Nam, Phòng Công nghiệp và thương mại Việt Nam.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp: R. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
17	Thay đổi cơ cấu để sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong giao thông vận tải/ Thay đổi cơ cấu, Hoàn thiện thể chế, Đổi mới công nghệ/ 2014-2020.	- Xây dựng và thực hiện các chính sách đầu tư, thuế và công cụ kinh tế nhằm phát triển hệ thống giao thông vận tải đa dạng đáp ứng nhu cầu vận tải, tiết kiệm nhiên liệu, hạn chế gây ô nhiễm môi trường. - Tối ưu hóa tuyến vận tải và phương tiện vận tải nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, hạn chế ùn tắc. - Thực hiện các đề án về kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động giao thông vận tải, kiểm soát khí thải xe ô tô, mô tô đã được phê duyệt.	Bộ Giao thông vận tải/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố, Hiệp hội Năng lượng Việt Nam, Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam.	Ngân sách Nhà nước: R. Ngân sách địa phương: R. Nguồn lực của doanh nghiệp: R. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
18	Đổi mới công nghệ để sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong giao thông vận tải/ Đổi mới công nghệ, Hoàn thiện thể chế/ 2014-2020.	- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, sử dụng năng lượng tái tạo, nhiên liệu ít phát thải khí nhà kính trong giao thông vận tải. - Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý chất lượng nhiên liệu, tiêu chuẩn khí thải, bảo dưỡng phương tiện.	Bộ Giao thông vận tải/ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND các tỉnh, thành phố, Hiệp hội Năng lượng Việt Nam, Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp: R. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
19	Phát triển giao thông công cộng theo hướng xanh hóa/ Đổi mới công nghệ, Thay đổi cơ	- Đầu tư phát triển các loại hình giao thông công cộng sạch và hiệu quả. - Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển, sử dụng dịch vụ giao thông công cộng với chất lượng tốt.	UBND các tỉnh, thành phố/ Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Hiệp hội	Ngân sách Nhà nước: R Ngân sách địa phương: R Nguồn lực của doanh nghiệp: R.

	cấu/ 2014 -2020.		Vận tải các địa phương.	Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
20	Áp dụng kỹ thuật canh tác nông nghiệp hữu cơ và nâng cao trình độ quản lý để giảm phát thải khí nhà kính/ Đổi mới công nghệ/ 2013 -2020.	- Ứng dụng các giống lúa ngắn ngày năng suất cao để giảm phát thải khí nhà kính. - Áp dụng quy trình tưới tiêu tiết kiệm nước trong sản xuất lúa và các cây trồng khác, sử dụng giống, phân hóa học, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc hợp lý nhằm nâng cao tính cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp và giảm phát thải khí nhà kính. - Ứng dụng phân ủ hữu cơ (compost) trong canh tác lúa và các loại cây trồng khác.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam)/ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố, Hội Nông dân Việt Nam.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
21	Tái sử dụng, tái chế phụ phẩm, phế thải nông nghiệp/ Đổi mới công nghệ, Hoàn thiện thể chế, Thay đổi cơ cấu/ 2013 -2020.	- Hỗ trợ đầu tư cho các đề tài, dự án nghiên cứu, thí điểm và phổ biến công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, phế phẩm nông nghiệp tạo ra thức ăn chăn nuôi, trồng nấm, làm nguyên liệu công nghiệp, biogas, than sinh học (biochar), phân bón hữu cơ nhằm hình thành và phát triển ngành công nghiệp tái chế phụ phẩm nông nghiệp, nâng cao giá trị sản xuất và giảm phát thải ô nhiễm. - Xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích tái chế phụ phẩm, phế phẩm nông nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
22	Nghiên cứu, ứng dụng phổ biến thức ăn giàu dinh dưỡng trong ngành chăn nuôi để tăng khả năng hấp thu, giảm phát thải khí nhà kính, tăng chất lượng sản phẩm chăn nuôi sạch và nâng cao hiệu quả kinh tế/ Đổi mới công nghệ, Hoàn thiện thể chế, Thay đổi	- Nghiên cứu phát triển các loại thức ăn giàu dinh dưỡng để tăng khả năng hấp thu, rút ngắn thời gian trong chăn nuôi gia súc, gia cầm. - Xây dựng các mô hình ứng dụng thức ăn giàu dinh dưỡng trong chăn nuôi gia súc, gia cầm. - Đào tạo, nâng cao nhận thức cho cộng đồng trong ứng dụng các loại thức ăn giàu dinh dưỡng. - Xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư sản xuất và sử dụng các loại thức	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Viện Chăn nuôi Việt Nam)/ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.

	cơ cấu/ 2013 -2020.	ăn giàu dinh dưỡng cho ngành chăn nuôi.		
23	Trồng rừng, nâng cao chất lượng rừng và quản lý tài nguyên rừng bền vững/ Thay đổi cơ cấu, Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2020.	- Đẩy nhanh tiến độ các dự án trồng rừng, tái trồng rừng, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào trồng rừng kinh tế để nâng tỉ lệ che phủ rừng, nâng cao chất lượng rừng, tăng khả năng hấp thụ khí CO₂ của rừng, tăng sinh khối để tăng tích trữ các bon và đảm bảo cung cấp gỗ cho sản xuất và tiêu dùng. - Phát triển rừng trên đất trống, đồi núi trọc, rừng ngập mặn, rừng chắn cát, chắn sóng ven sông, biển - Xây dựng, thực hiện các chương trình về giảm phát thải khí nhà kính thông qua những nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng (REDD+), quản lý rừng bền vững, kết hợp với duy trì và đa dạng hóa sinh kế dân cư các vùng, địa phương, hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu. - Xây dựng và triển khai rộng rãi các chính sách huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế - xã hội trong bảo tồn, phát triển bền vững rừng và các hệ sinh thái tự nhiên.	UBND các tỉnh, thành phố/ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố.	Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
24	Đổi mới công nghệ trong khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản/ Đổi mới công nghệ, Thay đổi cơ cấu/ 2014 - 2020.	- Điều chỉnh cơ cấu tàu thuyền khai thác để tiết kiệm nhiên liệu. Cải tiến công nghệ đèn chiếu sáng trong đánh bắt để nâng cao sản lượng và tiết kiệm năng lượng. - Áp dụng các quy trình nuôi thủy sản tiên tiến để tiết kiệm thức ăn, năng lượng và giảm phát thải chất hữu cơ. - Áp dụng các biện pháp công nghệ và tổ chức sản xuất để giảm ô nhiễm trong các doanh nghiệp chế biến thủy sản.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Thủy sản)/ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố.	Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R
25	Nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng và giảm ô nhiễm trong các làng nghề và hoạt	- Hỗ trợ các doanh nghiệp và hộ gia đình đổi mới công nghệ, trang thiết bị để nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng trong sản xuất ở các làng nghề và	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và	Ngân sách nhà nước: R Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R

	động sản xuất phi nông nghiệp ở nông thôn/ Đổi mới công nghệ, Thay đổi cơ cấu/ 2014 - 2020.	các cơ sở ngành nghề ở nông thôn. - Thực hiện việc phòng chống ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn lao động ở các làng nghề và các cơ sở ngành nghề ở nông thôn. - Phát triển các ngành nghề và doanh nghiệp phi nông nghiệp ở nông thôn phải đi đôi với việc xây dựng các khu, cụm công nghiệp tập trung có đủ kết cấu hạ tầng bảo đảm hạn chế khả năng gây ô nhiễm	Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố, Hiệp hội làng nghề Việt Nam.	Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
26	Xây dựng và thực hiện chính sách ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng sạch. Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2014/ Cao.	- Rà soát, kiến nghị điều chỉnh lại quy hoạch tổng thể phát triển các nhà máy thủy điện. - Xây dựng các chính sách đầu tư, thuế, giá và các công cụ kinh tế thị trường để khuyến khích khai thác và sử dụng khí thiên nhiên. - Ban hành và giám sát thực hiện các chính sách kinh tế nhằm thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng các dạng năng lượng mới (năng lượng mặt trời, gió, thủy triều, địa nhiệt, sinh khối, xăng sinh học...). - Hỗ trợ đầu tư để hình thành ngành công nghiệp sản xuất máy móc thiết bị và cung cấp dịch vụ trong nước về năng lượng mới.	Bộ Công Thương/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố.	Ngân sách nhà nước: R.
27	Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển các nguồn năng lượng mới (năng lượng gió, mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, sinh khối, xăng sinh học...)/ Đổi mới công nghệ, Thay đổi cơ cấu/ 2014 - 2020.	- Hỗ trợ đầu tư cho các chương trình điều tra, nghiên cứu, chế tạo thử, xây dựng các điểm diễn hình sử dụng năng lượng mới và tái tạo - Bảo hộ quyền tác giả cho các phát minh, cải tiến kỹ thuật có giá trị trong lĩnh vực năng lượng mới và tái tạo nhằm thúc đẩy hình thành thị trường công nghệ năng lượng tái tạo. - Hỗ trợ mua bằng phát minh, sáng chế, bí quyết kỹ thuật (know-how) trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. - Ưu đãi thuế nhập thiết bị, công nghệ mới, thuế sản xuất, lưu thông các thiết bị.	Bộ Khoa học và Công nghệ/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố, Hiệp hội Năng lượng Việt Nam.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của các doanh nghiệp: R. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.

28	Hoàn thiện thể chế về không khí sạch. Kiểm kê, giám sát phát thải khí nhà kính và quản lý các hoạt động giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2015/ Cao.	- Điều tra, đánh giá, xây dựng khung chính sách và pháp luật về không khí sạch. - Tăng cường năng lực cán bộ, hình thành cơ sở dữ liệu để thực hiện kiểm kê khí nhà kính định kỳ. - Tăng cường phối hợp giữa các ngành để thường xuyên giám sát phát thải và quản lý các hoạt động giảm thiểu phát thải khí nhà kính.	Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các tỉnh, thành phố	Ngân sách nhà nước: R. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
29	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng đề án tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh cho giai đoạn 2014 - 2020/ Thay đổi cơ cấu/ Cuối 2013 - 2014/ Cao.	- Đánh giá tình hình phát triển kinh tế trong thời gian từ 2000-2013 theo mô hình tăng trưởng "nâu" từ quan điểm phát triển bền vững. - Rà soát, kiến nghị điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội các vùng kinh tế trọng điểm, các khu kinh tế, hành lang kinh tế; quy hoạch phát triển các ngành kinh tế, đặc biệt là những ngành tác động mạnh mẽ tới môi trường, nhằm bảo đảm phát triển ngành bền vững, bảo đảm sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải có hiệu quả. - Xây dựng đề án tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh cho giai đoạn 2014 - 2020.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư/ Ban chỉ đạo các vùng kinh tế trọng điểm và các vùng lớn, các Bộ và UBND các tỉnh, thành phố, Ban Kinh tế trung ương Đảng, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Viện hàn lâm khoa học công nghệ Việt Nam.	Ngân sách nhà nước: R.
30	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành công nghiệp từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành công nghiệp giai đoạn 2014 -2020/ Thay đổi cơ cấu/ 2013 -2014/ Cao.	- Đánh giá tình hình phát triển công nghiệp trong thời gian từ 2000-2013 theo mô hình tăng trưởng "nâu" từ quan điểm phát triển bền vững. - Rà soát, kiến nghị điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển ngành, các phân ngành, đặc biệt là những phân ngành và cơ sở tác động mạnh mẽ tới môi trường, nhằm bảo đảm phát triển ngành bền vững, bảo đảm sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải một cách có hiệu quả. - Xây dựng Khung chính sách công nghiệp xanh và	Bộ Công Thương/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Các Hiệp hội ngành nghề công nghiệp.	Ngân sách nhà nước: R. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.

		Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành công nghiệp giai đoạn 2014 - 2020 trong đó có 2 chỉ tiêu cơ bản về: Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP và Giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong những ngành sản xuất chính so với mức 2010 (Theo thông báo Quốc gia cập nhật), với 2 kịch bản có/không có hỗ trợ quốc tế.		
31	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành nông lâm nghiệp, thủy sản từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn giai đoạn 2014 - 2020/Thay đổi cơ cấu/ 2013 - 2014/ Cao.	- Đánh giá tình hình phát triển nông nghiệp và nông thôn trong thời gian từ 2000 - 2013 từ quan điểm phát triển bền vững. - Rà soát, kiến nghị điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển ngành, các phân ngành nhằm bảo đảm phát triển ngành bền vững, bảo đảm sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải một cách có hiệu quả. - Xây dựng Khung chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn xanh và Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn giai đoạn 2014-2020 trong đó có 2 chỉ tiêu cơ bản về: Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP và Giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong những ngành sản xuất chính so với mức 2010 (Theo thông báo Quốc gia cập nhật), với 2 kịch bản có/không có hỗ trợ quốc tế. - Lồng ghép các hành động tăng trưởng xanh vào quy hoạch phát triển các lĩnh vực ngành nông nghiệp giai đoạn 2014 - 2020.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố, Các Hiệp hội ngành nghề nông lâm ngư nghiệp.	Ngân sách nhà nước: R.
32	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành giao thông vận tải từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung	- Đánh giá tình hình phát triển giao thông vận tải trong thời gian từ 2000 - 2013 từ quan điểm phát triển bền vững. - Rà soát, kiến nghị điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển ngành, các phân	Bộ Giao thông vận tải/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố, các Hiệp hội ngành nghề	Ngân sách nhà nước: R Kinh phí hoạt động của Bộ R.

	chính sách và kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành giao thông vận tải giai đoạn 2014 - 2020/ Thay đổi cơ cấu/ 2013 - 2014/ Cao.	ngành nhằm bảo đảm phát triển ngành bền vững, bảo đảm sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải một cách có hiệu quả. - Xây dựng Khung chính sách giao thông vận tải xanh và Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành giao thông vận tải giai đoạn 2014 - 2020 trong đó có 2 chỉ tiêu cơ bản về: Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP và Giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong những ngành chính so với mức 2010 (Theo thông báo Quốc gia cập nhật), với 2 kịch bản có/không có hỗ trợ quốc tế.	Giao thông vận tải.	
33	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành xây dựng từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành xây dựng giai đoạn 2014 - 2020/ Thay đổi cơ cấu/ 2013 -2014/ Cao.	- Đánh giá tình hình phát triển ngành xây dựng trong thời gian từ 2000 - 2013 từ quan điểm phát triển bền vững. - Rà soát, kiến nghị điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển ngành, các phân ngành nhằm bảo đảm phát triển ngành bền vững, bảo đảm sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải một cách có hiệu quả. - Xây dựng Khung chính sách đô thị hóa xanh và Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành xây dựng giai đoạn 2014 - 2020 trong đó có 2 chỉ tiêu cơ bản về: Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP và Giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong những ngành sản xuất chính so với mức 2010 (Theo thông báo Quốc gia cập nhật), với 2 kịch bản có/không có hỗ trợ quốc tế.	Bộ Xây dựng/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố, Các tổng hội, hiệp hội xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch không gian, kiến trúc.	Ngân sách nhà nước: R.
34	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành tài nguyên, môi trường từ quan điểm phát triển	- Đánh giá tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong thời gian từ 2000 - 2013 theo mô hình tăng trưởng "nâu".	Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố, Các hội	Ngân sách nhà nước: R.

	bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2014 - 2020/ Thay đổi cơ cấu/ 2013 -2014/ Cao.	- Rà soát, kiến nghị điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển ngành, các phân ngành nhằm bảo đảm phát triển ngành bền vững, bảo đảm sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải một cách có hiệu quả. - Xây dựng Khung chính sách và Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2014 - 2020.	bảo vệ thiên nhiên, tài nguyên và môi trường, Viện hàn lâm KHXH VN và Viện hàn lâm KHCN VN.	
35	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh chiến lược và quy hoạch phát triển khoa học, công nghệ từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động phát triển khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu tăng trưởng xanh của nền kinh tế trong giai đoạn 2014 - 2020/ Thay đổi cơ cấu/ 2013 -2014/ Cao.	- Đánh giá tình hình phát triển khoa học công nghệ trong thời gian từ 2000 - 2013 và vai trò của khoa học công nghệ đối với phát triển bền vững. - Rà soát, kiến nghị điều chỉnh chiến lược và quy hoạch phát triển các lĩnh vực, các cơ sở nghiên cứu và triển khai khoa học, công nghệ. - Xây dựng đề án tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh cho giai đoạn 2014 - 2020. - Xây dựng Khung chính sách hỗ trợ phát triển công nghệ xanh và Kế hoạch hành động phát triển khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu tăng trưởng xanh của nền kinh tế trong giai đoạn 2014 - 2020.	Bộ Khoa học và Công nghệ/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND các tỉnh, thành phố, Viện hàn lâm KHXH VN và Viện hàn lâm KHCN VN, Liên hiệp các hội KHKT VN.	Ngân sách nhà nước: R.
36	Hỗ trợ và khuyến khích nghiên cứu, triển khai và đầu tư áp dụng công nghệ xanh/ Đổi mới công nghệ, Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2020/ Cao.	- Tập trung đầu tư cho nghiên cứu và triển khai các công nghệ xanh trọng điểm: năng lượng xanh, vật liệu và xây dựng, cơ khí giao thông vận tải, công nghệ nông - lâm - sinh học, hóa học xanh, xử lý chất thải. - Ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực kinh tế xanh, nghiên cứu nội địa hóa công nghệ xanh.	Bộ Khoa học và Công nghệ/ Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND các tỉnh, thành phố, Viện hàn lâm KHCN VN, Liên hiệp các hội KHKT VN, Các hiệp hội ngành nghề có liên quan.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R

37	Hoàn thiện thể chế và tăng cường năng lực hoạt động tài chính - tín dụng của các ngân hàng thương mại phục vụ tăng trưởng xanh/ Hoàn thiện thể chế, Nâng cao năng lực/ 2013 - 2020/ Cao.	- Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện thể chế về tài chính và tín dụng cho phù hợp với những mục tiêu tăng trưởng xanh. - Tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm tăng cường năng lực cho các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính trong hoạt động tài chính - tín dụng xanh. - Xây dựng và phát triển các dịch vụ tài chính- ngân hàng hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện tăng trưởng xanh.	Ngân hàng nhà nước Việt Nam/ Bộ Tài chính, Kho bạc nhà nước.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
38	Hỗ trợ đào tạo nhân lực trong lĩnh vực việc làm xanh/ Tăng cường năng lực, Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2020.	- Hỗ trợ đào tạo nhân lực kỹ thuật trong các ngành nghề thuộc khu vực kinh tế xanh. - Ban hành chính sách khuyến khích tạo việc làm xanh.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội/ Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND các tỉnh, thành phố, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: P. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
39	Chống thoái hóa đất, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất/ Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2014/ Cao.	- Kiểm kê, đánh giá tình hình sử dụng tài nguyên đất trong giai đoạn 2000 - 2013. - Rà soát và đánh giá tính phù hợp của hệ thống thể chế (pháp lý và tổ chức) hiện hành với yêu cầu của mô hình tăng trưởng xanh. - Xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động về sử dụng và phát triển tài nguyên đất theo hướng tăng trưởng xanh đến 2020 và tầm nhìn đến 2050. - Nghiên cứu các giải pháp áp dụng các hệ thống sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp liên hoàn ở các vùng sinh thái khác nhau nhằm bảo đảm hiệu quả phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ môi trường. - Lồng ghép các chính sách quốc gia với các kế hoạch hành động quốc tế về việc chống thoái hóa và sử dụng đất bền vững.	Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Hội Khoa học đất Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND các tỉnh.	Ngân sách nhà nước: R Kinh phí hoạt động của các bộ và địa phương. R Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.

		- Phổ biến và hướng dẫn nhân dân áp dụng các biện pháp bảo vệ và làm giàu tài nguyên đất.		
40	Sử dụng tài nguyên nước hiệu quả và bền vững. Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2014/ Cao.	- Kiểm kê, đánh giá tình hình sử dụng tài nguyên nước trong giai đoạn 2000 - 2013. - Rà soát và đánh giá tính phù hợp của hệ thống thể chế (pháp lý và tổ chức) hiện hành với yêu cầu của mô hình tăng trưởng xanh. - Xây dựng thể chế quản lý tổng hợp các lưu vực sông, các vùng đầu nguồn, nước ngầm để bảo vệ đất và nước phát triển thủy lợi, giữ cân bằng sinh thái và điều hòa các tác động lẫn nhau giữa đồng bằng và miền núi. - Xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động về sử dụng và phát triển tài nguyên nước theo hướng tăng trưởng xanh đến 2020 và tầm nhìn đến 2050. - Nâng cao năng lực cho các cơ quan chính quyền các cấp ở địa phương và cho cộng đồng dân cư trong việc quản lý và giám sát sử dụng nguồn nước. Huy động sự tham gia rộng rãi của người thụ hưởng nước vào quá trình lập kế hoạch vận hành và tài trợ cho các cơ sở hạ tầng về nước. - Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc sử dụng, quản lý và bảo vệ các nguồn nước dùng chung giữa Việt Nam và các nước láng giềng.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước, Bộ Khoa học và Công nghệ, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hội Thủy lợi Việt Nam, Hội đập lớn và phát triển nguồn nước Việt Nam.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
41	Sử dụng tài nguyên khoáng sản hiệu quả và bền vững/ Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2014/ Cao.	- Kiểm kê, đánh giá tình hình sử dụng tài nguyên khoáng sản trong giai đoạn 2000 - 2013. - Rà soát và đánh giá tính phù hợp của hệ thống thể chế (pháp lý và tổ chức) hiện hành với yêu cầu của mô hình tăng trưởng xanh. - Xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động về sử dụng và phát	Bộ Công Thương/ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Tổng hội địa chất Việt Nam, Bộ Kế	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.

		triển tài nguyên khoáng sản theo hướng tăng trưởng xanh đến 2020 và tầm nhìn đến 2050. - Kiện toàn hệ thống quản lý tài nguyên khoáng sản ở Trung ương và các địa phương. - Xây dựng các quy hoạch dài hạn về khai thác, sử dụng, xuất khẩu, nhập khẩu, dự trữ và bảo tồn các loại tài nguyên khoáng sản trọng yếu đối với nền kinh tế.	hoạch và Đầu tư.	
42	Khuyến khích và hỗ trợ phát triển nhanh các ngành sản xuất sản phẩm sinh thái/ Thay đổi cơ cấu, Hoàn thiện thể chế/ 2013 -2014/ Cao.	- Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn về các sản phẩm dán nhãn sinh thái. Các loại hình sản phẩm, dịch vụ xem xét dán nhãn sinh thái trong thời gian 2013 - 2020 là: vật liệu xây dựng; lương thực và thực phẩm; giao thông, vận tải; năng lượng; máy tính và máy văn phòng; dệt may; giấy và in ấn; đồ gỗ; chất tẩy rửa; thiết bị y tế. - Thực hiện chính sách ưu đãi về kinh tế (cho thuê đất tín dụng, thuế) đối với sản xuất và khuyến khích tiêu dùng các sản phẩm sinh thái. Ưu tiên đầu tư kinh phí cho nghiên cứu và triển khai, mua bằng sáng chế các công nghệ và sản phẩm sinh thái. - Xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ đặc biệt về kinh tế - kỹ thuật và khuyến khích mọi doanh nghiệp, cá nhân áp dụng công nghệ cao để khuếch trương và phát triển bền vững một số sản phẩm xanh truyền thống chủ lực mà Việt Nam có thể mạnh như dược thảo, nông lâm thủy sản sinh thái, thực phẩm, hàng mỹ nghệ, hàng tiêu dùng và dệt may từ nguyên vật liệu địa phương.	Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các tỉnh, thành phố, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh các HTX Việt Nam, Các hiệp hội ngành nghề.	Ngân sách nhà nước: R.
43	Áp dụng phổ biến phương pháp sản xuất sạch hơn trong công nghiệp/ Đổi mới	- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sản xuất sạch hơn cho doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và các đối tượng có liên quan; đến năm 2020	Bộ Công Thương/ Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND các tỉnh, thành phố,	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R

	công nghệ, Hoàn thiện thể chế/ 2013 -2020.	có 90% doanh nghiệp có nhận thức về sản xuất sạch hơn. - Hỗ trợ kỹ thuật thực hiện sản xuất sạch hơn tại các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp; đến năm 2020 có 50% cơ sở áp dụng các biện pháp sản xuất sạch hơn. - Nâng cao năng lực thực hiện, tư vấn, hướng dẫn áp dụng sản xuất sạch hơn cho doanh nghiệp, cán bộ quản lý nhà nước và các tổ chức tư vấn kỹ thuật. - Hoàn thiện thể chế để thúc đẩy sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Các hiệp hội ngành nghề công nghiệp.	Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R
44	Phát triển du lịch sinh thái/ Thay đổi cơ cấu, Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2020.	- Hoàn thiện thể chế, khuyến khích đầu tư, bồi dưỡng nguồn nhân lực để phát triển du lịch sinh thái nhằm mục đích tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, đồng thời với nâng cao chất lượng cảnh quan và môi trường ở các địa phương.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các tỉnh, thành phố, Hiệp hội du lịch Việt Nam.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
45	Đẩy mạnh hoạt động tái chế, tái sử dụng các chất phế thải trong nước/ Thay đổi cơ cấu, Hoàn thiện thể chế/ 2013 -2020.	- Xây dựng và ban hành Luật Tái chế, coi chất thải trong nước là tài nguyên hướng tới giảm thiểu tối đa lượng chất thải phải xử lý bằng cách chôn lấp. - Ban hành các chính sách khuyến khích phát triển ngành công nghiệp tái chế hiện đại thân thiện với môi trường. - Hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính để hiện đại hóa hoạt động tái chế ở các làng nghề. Đến năm 2020, loại bỏ hết các công nghệ cũ lạc hậu, độc hại đối với sức khỏe người lao động và gây ô nhiễm môi trường ở các làng nghề tái chế. - Áp dụng công nghệ phân loại, tái chế rác thải thành năng lượng, vật liệu xây dựng và phân vi sinh tại các khu kinh tế, cụm công nghiệp và đô thị.	Bộ Tài nguyên và Môi trường/Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Xây dựng, UBND các tỉnh, thành phố.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
46	Thúc đẩy sản xuất hàng hóa	- Lập đề án phát triển các hoạt động sản xuất và dịch	Bộ Công Thương/ Bộ Tài	Ngân sách nhà nước: R.

	và dịch vụ môi trường/ Thay đổi cơ cấu, Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2020.	vụ chống ô nhiễm, phục hồi và cải thiện môi trường, tạo thêm nhiều việc làm ở đô thị và nông thôn. - Cải tiến thể chế để chuyển phần lớn hoạt động sản xuất và dịch vụ môi trường từ hoạt động công ích, bao cấp sang vận hành theo nguyên tắc thị trường một cách năng động và hiệu quả. - Các địa phương xây dựng chính sách ưu tiên và hỗ trợ các ngành kinh tế xanh phát triển, lồng ghép với các chương trình phát triển và xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cảnh quan và môi trường.	nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các tỉnh, thành phố.	Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
47	Phục hồi, phát triển các nguồn vốn tự nhiên/ Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2015/ Cao.	- Nghiên cứu và ban hành cơ chế, chính sách kinh tế tài chính về phục hồi, phát triển nguồn vốn tự nhiên; khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư cơ sở hạ tầng dịch vụ hệ sinh thái, các khu bảo tồn và phục hồi vào các hệ sinh thái đã bị suy giảm. - Xây dựng và thực hiện các quy hoạch dài hạn về khai thác, sử dụng, dự trữ và bảo tồn những loại tài nguyên trọng yếu của đất nước. - Áp dụng cách tiếp cận quản lý tổng hợp và tăng cường bộ máy quản lý các lưu vực sông, các hệ sinh thái. - Xây dựng hệ thống tài khoản xanh thông qua việc lượng giá nguồn vốn thiên nhiên. - Tăng cường giám sát đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái.	Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
48	Cải thiện và phát triển hạ tầng giao thông theo hướng bền vững/ Thay đổi cơ cấu, Đổi mới công nghệ/ 2013 -2020.	- Tăng cường đầu tư nâng cấp các hệ thống, mạng lưới giao thông vận tải thủy, đường cao tốc, đường sắt trên cơ sở tiết kiệm năng lượng, có hiệu quả kinh tế, môi trường cao, có khả năng chống chịu biến đổi khí hậu, đáp	Bộ Giao thông vận tải/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND các tỉnh, thành phố.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R

		ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. - Phát triển các hệ thống giao thông có trọng điểm, kết nối với các trung tâm kinh tế và các khu vực sản xuất tập trung hàng hóa quy mô lớn thông qua đầu tư vào hạ tầng giao thông công cộng với công nghệ, kỹ thuật hiện đại.		
49	Cải thiện và phát triển hạ tầng năng lượng theo hướng bền vững/ Đổi mới công nghệ/ 2013 - 2020.	- Phát triển nguồn điện đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, cải thiện mạng lưới cung cấp điện và sử dụng hiệu quả. - Đổi mới công nghệ sản xuất, phân phối và cải thiện hiệu quả tiêu dùng điện để giảm hệ số đàn hồi điện/GDP từ mức 2,0 hiện nay xuống còn 1,0 vào năm 2020. - Áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng phân phối, giảm tổn thất điện năng tiến tới xây dựng lưới điện thông minh.	Bộ Công Thương/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND các tỉnh, thành phố.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
50	Cải thiện và phát triển hạ tầng thủy lợi theo hướng bền vững/ Đổi mới công nghệ, Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2020.	- Nâng cấp hệ thống đề điều để đảm bảo an toàn hoạt động kinh tế - xã hội, dân sinh, giao thông, ứng phó biến đổi khí hậu, thiên tai, nước biển dâng. - Tăng cường đầu tư hệ thống thủy lợi với thiết bị vận hành hiện đại đảm bảo điều tiết, cung cấp và bảo vệ tốt nguồn nước. - Nâng cao hiệu suất các trạm bơm; triệt để tận dụng khả năng sử dụng các hệ thống thủy lợi tự chảy để tiết kiệm năng lượng bơm nước. - Nâng cao năng lực và đổi mới thể chế để quản lý tài nguyên nước bền vững.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
51	Triển khai rộng rãi phong trào "Doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn phát triển bền vững"/ Hoàn thiện thể chế, Nâng cao nhận	- Đưa các tiêu chuẩn "doanh nghiệp phát triển bền vững" vào hệ thống đánh giá công khai và minh bạch kết quả hoạt động kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. - Thúc đẩy hình thành và phát triển văn hóa "doanh	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Liên minh hợp tác xã Việt Nam, các	Ngân sách nhà nước: R Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.

	thức/ 2013 - 2020.	ng nghiệp phát triển bền vững" trong giới doanh nghiệp cả nước. - Nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý doanh nghiệp và các tổ chức tư vấn về thực hiện tái cơ cấu trong doanh nghiệp theo các tiêu chuẩn phát triển bền vững doanh nghiệp.	Hiệp hội ngành nghề.	
52	Xây dựng năng lực tư vấn kỹ thuật và quản lý tăng trưởng xanh; đẩy mạnh hoạt động tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp triển khai sản xuất sạch hơn, doanh nghiệp xanh; xúc tiến hình thành mạng lưới các tổ chức dịch vụ kỹ thuật - quản lý và thị trường dịch vụ phục vụ tăng trưởng xanh/ Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2020.	- Thúc đẩy các hiệp hội ngành nghề xây dựng chương trình hành động thực hiện tăng trưởng xanh và phong trào xanh hóa sản xuất. - Nghiên cứu, đề xuất chính sách phát triển các doanh nghiệp tư vấn, hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn, tiêu chuẩn xanh. - Đề xuất các chính sách phát triển thị trường dịch vụ tư vấn kỹ thuật và giải pháp quản lý tăng trưởng xanh.	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Liên minh hợp tác xã Việt Nam, các Hiệp hội ngành nghề.	Ngân sách nhà nước: R Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R. Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
53	Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và chia sẻ kinh nghiệm trong nước và quốc tế về tăng trưởng xanh/ Nâng cao nhận thức/ 2013 - 2020	- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh cho các nhóm đối tượng trong doanh nghiệp: chủ doanh nghiệp, đội ngũ kỹ thuật và quản lý, công nhân viên và công đoàn. - Tổ chức các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm kỹ thuật và quản lý trong thực hiện tăng trưởng xanh giữa các doanh nghiệp thuộc các nhóm ngành nghề, quy mô và thành phần kinh tế khác nhau. - Tổ chức các hoạt động học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm quốc tế trong việc thực hiện tăng trưởng xanh.	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam/ Liên minh hợp tác xã Việt Nam, các Hiệp hội ngành nghề, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam.	Ngân sách nhà nước: R Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: R.
54	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh quy hoạch và lập kế hoạch cải tạo đô thị theo tiêu chuẩn đô thị bền vững/	- Rà soát, kiến nghị điều chỉnh quy hoạch tổng thể các đô thị từ cách tiếp cận đô thị bền vững. - Xây dựng chương trình cải tạo để đến năm 2020	Bộ Xây dựng/ UBND các tỉnh, thành phố.	Ngân sách địa phương, nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R

	Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2020.	các đô thị đạt mức trung bình trở lên của hệ thống chỉ số đô thị xanh. - Hướng dẫn xây dựng thí điểm kế hoạch hành động xây dựng đô thị xanh ở một số đô thị du lịch (Sapa, Huế, Hội An, Vũng Tàu, Đà Lạt). Tổng kết kinh nghiệm và phổ biến.		
55	Cải thiện hạ tầng kỹ thuật theo hướng bền vững ở một số đô thị chọn lọc/ Đổi mới công nghệ/ 2013 -2020.	- Lựa chọn và xây dựng kế hoạch đầu tư cải thiện hạ tầng kỹ thuật của một số đầu mối giao thương quốc tế, trung tâm du lịch, đô thị cũ xuống cấp nghiêm trọng nhằm nâng cao chất lượng nhà ở, cung cấp năng lượng, giao thông, cấp thoát nước và cảnh quan môi trường.	UBND các tỉnh, thành phố/ Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.	Ngân sách nhà nước và Ngân sách địa phương: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R
56	Đổi mới công nghệ và kỹ thuật xây dựng theo hướng xanh hóa/ Đổi mới công nghệ, Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2020.	- Nghiên cứu và ban hành hệ thống tiêu chuẩn về quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế, sử dụng vật liệu, giải pháp xây dựng xanh thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu khí gây hiệu ứng nhà kính, giải pháp công nghệ thích hợp xử lý chất thải đô thị. - Ban hành quy định bắt buộc thực hiện các giải pháp xây dựng xanh phổ biến vào các công trình đầu tư bằng vốn nhà nước, các tòa nhà thương mại mới và cải tạo các khu chung cư hiện có ở đô thị.	Bộ Xây dựng/ Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố.	Ngân sách nhà nước và Ngân sách địa phương: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R.
57	Khuyến khích phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng và xây dựng xanh/ Hoàn thiện thể chế, Thay đổi cơ cấu, Đổi mới công nghệ/ 2013 -2020.	- Ban hành các chính sách, công cụ kinh tế và kỹ thuật về khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất vật liệu, trang thiết bị phục vụ xây dựng và sử dụng các công trình xây dựng theo công nghệ xanh.	Bộ Xây dựng/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính	Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R.
58	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong xây dựng và sử dụng các tòa nhà/ Hoàn thiện thể chế, Đổi mới công	- Thực hiện việc quản lý bắt buộc theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam "Các công trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả" đối với 100% các tòa nhà xây dựng mới hoặc cải tạo có quy mô thuộc phạm	Bộ Xây dựng/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND	Ngân sách nhà nước: R. Kinh phí cho CTMTQG sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng,

	nghệ/ 2013 -2020.	vi điều chỉnh của Quy chuẩn. - Đưa vào hoạt động có nề nếp công tác quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các tòa nhà. - Triển khai cuộc vận động thực hiện "Công trình xanh" tiết kiệm năng lượng tại các cơ quan và doanh nghiệp trong cả nước.	các tỉnh, thành phố.	Nguồn lực của doanh nghiệp, người tiêu dùng: R.
59	Cải thiện giao thông ở các đô thị lớn theo hướng bền vững/ Thay đổi cơ cấu/ 2013 -2020.	- Đầu tư cải tạo và phát triển hệ thống hạ tầng giao thông nội đô ở các thành phố trực thuộc trung ương đạt mức trung bình của các nước tiên tiến trong khu vực. - Sử dụng công cụ kinh tế và kỹ thuật kiểm soát sự phát triển số lượng phương tiện giao thông cơ giới cá nhân. - Bố trí các tuyến đường dành riêng cho phương tiện giao thông phi cơ giới.	UBND các thành phố trực thuộc trung ương/ Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.	Ngân sách nhà nước: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R
60	Xanh hóa cảnh quan đô thị/ Thay đổi cơ cấu, Nâng cao nhận thức/ 2013 -2020.	- Ưu tiên phân bổ đất công để nhanh chóng nâng cao diện tích không gian xanh và mặt nước ở các đô thị, đạt tiêu chuẩn diện tích cây xanh đô thị tính theo đầu người đã quy định cho từng loại đô thị. - Tăng cường đầu tư và cải thiện thể chế để bảo vệ và phát triển các khoảng không gian xanh công cộng và khuyến khích cộng đồng, doanh nghiệp và các hộ gia đình thực hiện các giải pháp xanh hóa cảnh quan đô thị.	UBND các tỉnh, thành phố/ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Đài tiếng nói Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Hội người cao tuổi và các tổ chức đoàn thể xã hội khác.	Ngân sách địa phương: R Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R
61	Triển khai cuộc vận động thực hiện "Lối sống xanh"/ Nâng cao nhận thức, Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2020.	- Tổ chức các hoạt động truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức cho các nhóm xã hội về lối sống xanh (nhóm người cao tuổi, phụ nữ, thanh thiếu niên, công nhân, nhân viên công sở...). - Đưa các tiêu chuẩn về lối sống văn minh, tiêu dùng tiết kiệm tài nguyên, thân thiện với môi trường vào	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ UBND các tỉnh, thành phố, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Các cơ quan truyền thông trung ương và địa	Ngân sách địa phương: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R

		hệ thống giá trị xã hội đánh giá con người. - Ban hành và tổ chức thực hiện triệt để các quy định pháp luật về việc thực hiện lối sống văn minh và bảo vệ môi trường. - Phổ biến phong trào 3T (tiết kiệm, tái chế, tái sử dụng) trong các cộng đồng dân cư. - Tuyên truyền để người dân lựa chọn phương tiện giao thông hợp lý, vận động người dân đi xe đạp ở các cung đường ngắn thay cho phương tiện giao thông cơ giới, trước hết trong thanh thiếu niên. - Các đoàn thể quần chúng tổ chức phong trào xanh hóa nhà ở, khu dân cư và nơi làm việc.	phương, Đoàn thanh niên cộng sản Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, và các tổ chức đoàn thể xã hội khác.	
62	Triển khai cuộc vận động xây dựng mô hình "Sử dụng tiết kiệm năng lượng trong mỗi hộ gia đình"/ Nâng cao nhận thức, Đổi mới công nghệ/ 2013-2020.	- Tổ chức truyền thông nâng cao kiến thức về tiết kiệm năng lượng trong đời sống cho các tầng lớp nhân dân. - Huy động các nhóm xã hội tham gia tuyên truyền, vận động và áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng.	Bộ Công Thương/ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ, Tập đoàn điện lực Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố, Các cơ quan truyền thông trung ương và địa phương Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, và các tổ chức đoàn thể xã hội khác.	Ngân sách nhà nước: R Chương trình MTQG sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R
63	Xây dựng nông thôn mới với lối sống hài hòa với môi trường thiên nhiên/ Hoàn thiện thể chế, Đổi mới	- Quy hoạch nông thôn theo các tiêu chuẩn sống tốt, bảo vệ và phát triển cảnh quan và môi trường xanh, sạch, đẹp, văn minh. Nhân rộng các mô hình xây dựng làng, nhà ở sinh	UBND các tỉnh, thành phố/ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây	Ngân sách địa phương: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R

	công nghệ, Thay đổi cơ cấu/ 2013 - 2020.	thái phù hợp với điều kiện khí hậu, phong tục tập quán, lối sống của từng dân tộc và địa phương. - Hỗ trợ thực hiện các mô hình sản xuất ở nông thôn theo chu trình sinh thái khép kín, mô hình xử lý tốt chất thải làng nghề. Đến năm 2020, đảm bảo hầu hết rác thải nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn môi trường, phân loại và tái chế rác thành năng lượng, phân bón, vật liệu xây dựng. - Thực hiện các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về cấp nước và vệ sinh nông thôn đến năm 2020. - Cung cấp các giải pháp xây dựng công trình kinh tế và dân sinh thích ứng với biến đổi khí hậu và chủ động phòng ngừa tác động của thiên tai. - Cải thiện cơ cấu chất đốt ở nông thôn để giảm phát thải và nâng cao chất lượng sống cho dân cư nông thôn. Khuyến khích và hỗ trợ các hộ gia đình nông thôn sử dụng rộng rãi các nguồn năng lượng tái tạo.	dựng, Bộ Y tế, Hội Nông dân Việt Nam.	
64	Chi tiêu công theo tiêu chuẩn xanh/ Hoàn thiện thể chế/ 2013 - 2020.	- Ban hành quy chế chi tiêu công xanh, trong đó chi đầu tư và chi thường xuyên của ngân sách nhà nước phải ưu tiên mua sắm và sử dụng hàng hóa dân nhân sinh thái, hàng hóa có khả năng tái chế. - Từ năm 2015, tất cả các công trình, dự án đầu tư công phải áp dụng các tiêu chuẩn kinh tế xanh: theo cơ cấu ngành nghề, tiêu chuẩn sử dụng năng lượng, nguyên vật liệu, thiết kế thích hợp điều kiện sinh thái, tính đến tác động của biến đổi khí hậu. - Từ năm 2017 tất cả các phương tiện giao thông cơ giới mới mua bằng kinh phí công phải đạt tiêu chuẩn khí thải Euro 4, ưu tiên các loại phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch (điện, khí hóa lỏng) và xe lai (hybrid).	Bộ Tài chính/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ngân sách nhà nước: R.

65	Hướng dẫn và khuyến khích các sáng kiến tiêu dùng bền vững trong dân cư/ Hoàn thiện thể chế, Nâng cao nhận thức, Thay đổi cơ cấu/ 2013 -2020.	- Phát động phong trào tiêu dùng tiết kiệm (trước hết đối với nước, điện, giấy), chống lãng phí, bảo vệ và làm giàu thêm đối với tài nguyên và của cải xã hội. - Áp dụng một số công cụ kinh tế (thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế và phí sinh thái) để điều chỉnh những hành vi tiêu dùng không hợp lý, trước hết đối với những sản phẩm có hại cho sức khỏe, văn hóa và môi trường (rượu, thuốc lá, túi nilông, v.v...). - Giám sát sản xuất và tiêu dùng thực phẩm an toàn, khuyến khích và hỗ trợ kỹ thuật để người dân thực hiện các mô hình sản xuất sinh thái. - Thúc đẩy phong trào sản xuất "Hàng Việt Nam chất lượng cao" trong các doanh nghiệp và phong trào "Người Việt dùng hàng Việt" trong dân cư.	UBND các tỉnh, thành phố/ Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Y tế, Hội bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.	Ngân sách địa phương: R. Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R
66	Mở rộng nhanh chóng việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý và trong đời sống xã hội/ Hoàn thiện thể chế, Đổi mới công nghệ/ 2013 -2020.	- Ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật và ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin để nhanh chóng mở rộng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đời sống xã hội, qua đó tiết kiệm tiêu dùng năng lượng và tài nguyên, giảm chi phí giao thông, chi phí quản lý. - Tổ chức thực hiện lễ lối làm việc của Chính phủ điện tử, tổ chức các hội nghị trực tuyến, làm việc, trao đổi, cung cấp thông tin, giáo dục và đào tạo, mua sắm qua internet.	Bộ Thông tin và truyền thông/ Các cơ quan chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố, Các hiệp hội công nghệ thông tin, phần mềm, doanh nghiệp điện tử Việt Nam.	Ngân sách nhà nước: R Nguồn lực của doanh nghiệp và cộng đồng: R

PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÁC HOẠT ĐỘNG ƯU TIÊN THUỘC KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TĂNG TRƯỞNG XANH 2014-2020
(Ban hành kèm theo quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

Hoạt động số	Tên hoạt động/chương trình/đề án/dự án
1	Tổ chức Ban điều phối triển khai Chiến lược tăng trưởng xanh.
2	Hoàn thiện khung thể chế nhằm thúc đẩy quá trình tái cơ cấu kinh tế phù hợp với

	Chiến lược tăng trưởng xanh.
3	Hình thành Khung chính sách tài chính tăng trưởng xanh.
4	Nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của toàn dân vào việc thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh.
6	Triển khai xây dựng kế hoạch/chương trình hành động tăng trưởng xanh tại một số tỉnh, thành phố. Tổng kết và nhân rộng.
9	Rà soát, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch năng lượng quốc gia định hướng tăng trưởng xanh
16	Nâng cao năng lực quản lý năng lượng trong công nghiệp và xây dựng.
26	Xây dựng và thực hiện chính sách ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng sạch.
28	Hoàn thiện thể chế về không khí sạch. Kiểm kê, giám sát phát thải khí nhà kính và quản lý các hoạt động giảm thiểu phát thải khí nhà kính.
29	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng đề án tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh cho giai đoạn 2014 - 2020.
30	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành công nghiệp từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành công nghiệp giai đoạn 2014 - 2020.
31	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành nông lâm nghiệp, thủy sản từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn giai đoạn 2014-2020.
32	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển, ngành giao thông vận tải từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành giao thông vận tải giai đoạn 2014 - 2020.
33	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành xây dựng từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành xây dựng giai đoạn 2014 - 2020.
34	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành tài nguyên, môi trường từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2014 - 2020.
35	Rà soát, kiến nghị điều chỉnh chiến lược và quy hoạch phát triển khoa học, công nghệ từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động phát triển khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu tăng trưởng xanh của nền kinh tế trong giai đoạn 2014 - 2020.
36	Hỗ trợ và khuyến khích nghiên cứu, triển khai và đầu tư áp dụng công nghệ xanh.
37	Hoàn thiện thể chế và tăng cường năng lực hoạt động tài chính-tín dụng của các ngân hàng thương mại phục vụ tăng trưởng xanh.
39	Chống thoái hóa đất, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất.
40	Sử dụng tài nguyên nước hiệu quả và bền vững.
41	Sử dụng tài nguyên khoáng sản hiệu quả và bền vững.

42	Khuyến khích và hỗ trợ phát triển nhanh các ngành sản xuất sản phẩm sinh thái.
47	Phục hồi, phát triển các nguồn vốn tự nhiên.

1 Bao gồm 04 lĩnh vực chính: (1) Nâng cao nhận thức; (2) Hoàn thiện thể chế; (3) Thay đổi cơ cấu kinh tế ngành, địa phương và doanh nghiệp; và (4) Đổi mới công nghệ.

2 R Nguồn lực đã có kế hoạch phân bổ; P Nguồn lực có thể có kế hoạch phân bổ; £ Chưa có nguồn